

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2025

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2025

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2025	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2025	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2025	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2025	5-21

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.455.491.769	360.796.526.906
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	162.243.624.166	138.606.671.177
1 - Tiền	111		141.043.624.166	136.267.728.164
2 - Các khoản tương đương tiền	112		21.200.000.000	2.338.943.013
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	79.500.000.000	133.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		79.500.000.000	133.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.956.926.657	19.062.057.194
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22.431.213.659	11.074.002.063
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		342.014.226	1.861.167.936
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.685.390.625	15.628.579.048
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.501.691.853)	(9.501.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		37.155.465.497	39.930.054.145
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	37.155.465.497	39.930.054.145
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		37.599.475.449	30.197.744.390
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.347.209.179	2.261.518.985
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.392.485.723	26.374.616.331
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	859.780.547	1.561.609.074
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		425.939.058.470	448.060.332.357
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		394.839.953.305	416.472.851.428
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	394.839.953.305	416.472.851.428
- Nguyên giá	222		1.210.837.324.743	1.211.733.151.966
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(815.997.371.438)	(795.260.300.538)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	2.244.354.781	2.640.417.397
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(21.455.649.870)	(21.059.587.254)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	1.224.343.997
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.224.343.997
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		309.068	309.068
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.128.270)	(1.128.270)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		28.854.441.316	27.722.410.467
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	28.854.441.316	27.722.410.467
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		773.394.550.239	808.856.859.263

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		206.017.254.155	231.694.514.575
I - Nợ ngắn hạn	310		89.686.599.054	105.057.390.517
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	26.389.734.294	27.605.100.104
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	533.622.589	11.007.654.829
4 - Phải trả người lao động	314		12.190.508.549	24.508.693.095
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.073.535.825	5.042.676.756
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.448.956.956	777.524.935
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.041.505.736	4.390.253.126
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.905.357.144	20.905.357.144
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.103.377.961	10.820.130.528
II - Nợ dài hạn	330		116.330.655.101	126.637.124.058
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.119.000.000	900.000.000
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	114.979.464.284	125.432.142.856
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	232.190.817	304.981.202
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		567.377.296.084	577.162.344.688
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	567.377.296.084	577.162.344.688
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		205.419.172.908	170.411.314.026
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.958.523.176	66.751.430.662
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.632.403.361	1.030.197.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		326.119.815	65.721.232.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		773.394.550.239	808.856.859.263

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Bảo Ngọc



Trần Thị Thanh Hương



Đương Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý II năm 2025

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			QUÝ II NĂM 2025	QUÝ II NĂM 2024	06 THÁNG NĂM 2024	06 THÁNG NĂM 2025	06 THÁNG NĂM 2024
1	2	3	4	5	6	7	7
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	192.496.178.574	170.860.274.521	319.868.944.515	304.858.030.527	304.858.030.527
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.26	192.496.178.574	170.860.274.521	319.868.944.515	304.858.030.527	304.858.030.527
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	184.271.200.660	160.308.709.000	302.789.265.089	296.436.889.482	296.436.889.482
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.224.977.914	10.551.565.521	17.079.679.426	8.421.141.045	8.421.141.045
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	4.047.249.899	5.247.018.249	6.474.662.545	10.885.809.087	10.885.809.087
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	2.546.747.377	182.781.143	5.349.016.336	261.965.757	261.965.757
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.253.268.169	-	4.567.033.006	-	-
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24						
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	2.709.171.271	2.270.837.417	4.700.703.594	4.391.908.009	4.391.908.009
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	6.644.713.880	7.232.427.005	13.015.927.074	12.798.581.160	12.798.581.160
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		371.595.285	6.112.538.205	488.694.967	1.854.495.206	1.854.495.206
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	153.759.767	28.808.338.665	155.671.517	33.368.984.408	33.368.984.408
13 - Chi phí khác	32	VI.31	189.071.772	404.190.720	202.176.772	404.193.970	404.193.970
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(35.312.005)	28.404.147.945	(46.505.255)	32.964.790.438	32.964.790.438
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		336.283.280	34.516.686.150	442.189.712	34.819.285.644	34.819.285.644
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	165.878.995	6.302.331.742	188.860.282	6.330.760.334	6.330.760.334
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	(72.790.385)	653.897.445	(72.790.385)	653.897.445	653.897.445
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		243.194.670	27.560.456.963	326.119.815	27.834.627.865	27.834.627.865
19 - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		243.194.670	27.560.456.963	326.119.815	27.834.627.865	27.834.627.865
20 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62						
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7	515	10	523	523
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		7	515	10	523	523

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đương Ngọc Tú

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Dạng đầy đủ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý II năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		442.189.712	34.819.285.644
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.240.511.245	38.884.047.369
- Các khoản dự phòng	03		-	(47.160.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.125.438.290)	(4.291.937.536)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.588.084.572)	(30.422.914.135)
- Chi phí lãi vay	06		4.567.033.006	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.536.211.101	38.941.320.942
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.393.127.822)	9.693.280.642
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.774.588.648	(11.965.900.830)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.491.029.454)	(6.901.531.793)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.217.721.043)	(2.859.238.941)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.602.400.288)	(13.878.198.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.056.848.664)	(7.570.327.142)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.500.000	8.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.868.420.986)	(1.191.170.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.278.248.508)	4.276.333.867
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.041.684.588)	(22.894.265.159)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		153.759.259	66.901.675.521
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79.500.000.000)	(32.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		133.000.000.000	30.000.000.000
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.796.406.132	1.984.543.168
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		51.408.480.803	43.991.953.530
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	(10.452.678.572)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(10.452.678.572)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		22.677.553.723	48.268.287.397
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		138.606.671.177	225.987.361.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		959.399.266	4.269.729.923
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		162.243.624.166	278.525.379.254

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2025

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 40,01%.

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 460 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2025 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 5 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 100.016 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.189 DWT. Độ tuổi bình quân hơn 20 tuổi, trong đó có tàu Vinaship Sea và Vinaship Pearl lần lượt là 27 và 29 tuổi, tàu trẻ nhất 13 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024. Đội tàu công ty vẫn chủ yếu khai thác trên tuyến Đông Bắc và Đông Nam Á với phương thức cho thuê chuyến kết hợp định hạn và mặt hàng chủ yếu vẫn là xi măng, clinker, gạo, phân bón.

Đối với thị trường vận chuyển mà đội tàu Công ty tham gia, nhóm hàng xi măng nhập khẩu từ Việt Nam vào Philippines tiếp tục có xu hướng giảm cả về sản lượng và giá cước. Về mặt hàng gạo, trong quý 2, thị trường Indonesia vẫn chưa thấy dấu hiệu nhập khẩu trở lại. Philippines đang tiếp tục nhập khẩu gạo đều đặn từ Việt Nam, Thailand...với lượng hàng mỗi chuyến phù hợp với gam tàu từ 4000 - 6000MT. Tuy nhiên, giá cước không biến động nhiều so với quý I. Về mặt hàng phân bón xuất khẩu từ Trung Quốc, Malaysia, Indonesia vẫn duy trì được sự ổn định, giá cước không có sự biến động nhiều.

Việc thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, kết quả của hoạt động vận tải biển trong Quý II năm 2025 chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra do đội tàu Công ty trong quý cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung, bao gồm những yếu tố bất lợi của thị trường và chân hàng, hơn nữa hoạt động khai thác của 02 tàu Vinaship Sea, Vinaship Gold gặp phải một số rủi ro, sự cố gây thiệt hại đáng kể đến ngày tàu và doanh thu, đồng thời phát sinh nhiều chi phí.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- **Kỳ kế toán quý II :** bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 30/06 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2025 bắt đầu từ ngày 01/04/2025 đến 30/06/2025.

2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng :** Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền	30/06/2025	01/01/2025
- Tiền mặt	533.886.897	673.792.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	140.509.737.269	135.593.936.164
- Các khoản tương đương tiền	21.200.000.000	2.338.943.013
Cộng	162.243.624.166	138.606.671.177
2- Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2025	01/01/2025
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	79.500.000.000	133.000.000.000
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	79.500.000.000	133.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư cổ phiếu	1.437.338	1.437.338
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2025</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 86 CP	1.369.070	1.369.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	68.268	68.268
Cộng	79.501.437.338	133.001.437.338
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	(1.128.270)	(1.128.270)
Cộng	(1.128.270)	(1.128.270)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2025	01/01/2025
-Fortem cement corporation	4.578.593.050	-
- Bright Spring Internation Ltd	1.957.912.844	-
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	257.788.041	343.717.388
- Công ty CO TMVT XNK Thiên Phúc	2.447.805.142	-
- Công ty CP Cảng Xanh Vip	2.168.522.172	1.033.353.396
- Công ty CP Cảng Nam Đình Vũ	2.749.467.510	2.009.134.476
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	8.271.124.900	7.687.796.803
Cộng	22.431.213.659	11.074.002.063

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2025	01/01/2025
- Tạm ứng	3.387.697.065	2.237.847.707
- Ký cược, ký quỹ	48.549.000	32.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	5.348.418.190	4.287.420.941
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	81.556.524	177.127.032
- Bảo hiểm y tế	15.692.712	12.811.854
- Bảo hiểm thất nghiệp	10.616.448	8.301.616
- Kinh phí công đoàn	440.448	-
- Lãi dự thu	1.115.184.937	1.477.265.756
- Các khoản phải thu khác	334.747.727	53.316.568
+ Phải thu khác	334.747.727	53.316.568
Cộng	17.685.390.625	15.628.579.048

5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	30/06/2025	01/01/2025
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	90.761.500	90.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	9.501.691.853	9.501.691.853

6- Hàng tồn kho	30/06/2025	01/01/2025
- Nguyên liệu, vật liệu	37.034.595.497	38.164.830.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.738.248.703
- Công cụ, dụng cụ	120.870.000	26.975.000
Cộng	37.155.465.497	39.930.054.145

7- Xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2025	01/01/2025
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	957.343.997
+ TSCĐ đang mua sắm	-	267.000.000
Cộng	-	1.224.343.997

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong 06 tháng 2025

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ					
1. Số dư đầu kỳ	83.343.254.061	1.116.937.998.783	5.102.897.024	6.349.002.098	1.211.733.151.966
2. Số tăng trong kỳ	(97.656.716)	309.207.222	-	-	211.550.506
Trong đó:					
- Do mua sắm		309.207.222			309.207.222
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	(97.656.716)				(97.656.716)
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang					-
3. Số giảm trong kỳ	-	1.107.377.729	-	-	1.107.377.729
Trong đó:					
- Thanh lý, nhượng bán		1.107.377.729			1.107.377.729
- Khác					-
4. Số cuối kỳ	83.245.597.345	1.116.139.828.276	5.102.897.024	6.349.002.098	1.210.837.324.743
Trong đó:					
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.489.596.756	619.801.458.842	60.431.830	216.281.662	623.567.769.090
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
1. Đầu kỳ	7.666.430.501	786.126.278.626	471.796.901	995.794.510	795.260.300.538
2. Tăng trong kỳ	1.624.116.021	19.047.297.940	409.092.336	763.942.332	21.844.448.629
- Khấu hao	1.624.116.021	19.047.297.940	409.092.336	763.942.332	21.844.448.629
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang					-
3. Giảm trong kỳ	-	1.107.377.729	-	-	1.107.377.729
- Thanh lý, nhượng bán		1.107.377.729			1.107.377.729
- Khác					-
4. Số cuối kỳ	9.290.546.522	804.066.198.837	880.889.237	1.759.736.842	815.997.371.438
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
1. Đầu kỳ	75.676.823.560	330.811.720.157	4.631.100.123	5.353.207.588	416.472.851.428
2. Cuối kỳ	73.955.050.823	312.073.629.439	4.222.007.787	4.589.265.256	394.839.953.305
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay		279.047.667.268			279.047.667.268

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng 2025

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Khấu hao			-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Đầu kỳ	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 06 tháng 2025 : Không có**11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 06 tháng 2025 :**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4. Số cuối kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	18.432.082.235	21.059.587.254
2. Số tăng trong kỳ	-	396.062.616	396.062.616
- Do chuyển từ TSCĐ sang			
- Do trích khấu hao	-	396.062.616	396.062.616
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang TSCĐ			
4. Số dư cuối kỳ	2.627.505.019	18.828.144.851	21.455.649.870
III - Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	-	2.640.417.397	2.640.417.397
4. Số dư cuối kỳ	-	2.244.354.781	2.244.354.781

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

		30/06/2025			01/01/2025
12- Chi phí trả trước					
a) Ngắn hạn					
- Chi phí bảo hiểm đội tàu		2.286.755.846			2.198.968.985
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		60.453.333			62.550.000
Cộng		2.347.209.179			2.261.518.985
b) Dài hạn					
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ		26.930.212.401			25.668.724.065
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà		1.463.344.600			1.829.180.746
- Chi phí làm mái che chống nóng		98.195.599			50.334.228
- Chi phí mua máy bộ đàm cho bộ phận bốc xếp		197.925.000			-
- Chi phí trả trước dài hạn khác		164.763.716			174.171.428
Cộng		28.854.441.316			27.722.410.467
14- Vay và nợ thuê tài chính					
a) Vay ngắn hạn		-			-
+ Nợ ngắn hạn DATC		-			-
b) Vay dài hạn		135.884.821.428			146.337.500.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống		20.905.357.144			20.905.357.144
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải		20.905.357.144			20.905.357.144
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên		114.979.464.284			125.432.142.856
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải		114.979.464.284			125.432.142.856
Cộng		135.884.821.428			146.337.500.000
15- Phải trả người bán					
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn					
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt		5.267.643.000			-
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ		997.061.600			1.832.176.000
PT Indofuels Ltd		4.495.352.532			8.521.857.720
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long		7.799.493.800			6.367.400.000
Công ty CP Xây dựng GM		-			3.512.784.658
Phải trả các đối tượng khác		7.830.183.362			7.370.881.726
Cộng		26.389.734.294			27.605.100.104
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
		30/06/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
a) Phải nộp					
- Thuế GTGT		360.895.853	2.212.993.294	1.722.437.039	851.452.108
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	136.449.442	136.449.442	-
- Thuế nhập khẩu		-	31.757.865	31.757.865	-
- Thuế TNDN		150.264.865	10.056.848.664	167.168.789	10.039.944.740
- Thuế môn bài		-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân		22.461.871	495.137.132	401.341.022	116.257.981
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	159.772	159.772	-
Cộng		533.622.589	12.940.346.169	2.466.313.929	11.007.654.829

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

b) Phải thu	30/06/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
- Thuế TNCN nộp thừa cho Nhà nước	7.504.341	7.504.341	-	-
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	-	21.691.493	21.691.493
- Tiền thuế đất do được bù trừ	852.276.206	67.502.484	755.143.859	1.539.917.581
Cộng	859.780.547	75.006.825	776.835.352	1.561.609.074
17- Chi phí phải trả	30/06/2025			01/01/2025
a) Ngắn hạn				
- Chi phí phải trả lãi vay	120.993.334			156.360.616
- Trích trước chi phí XD CB lô đất TM8	-			231.481.481
- Chi phí phải trả khác	5.952.542.491			4.654.834.659
Cộng	6.073.535.825			5.042.676.756
18- Phải trả khác	30/06/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Công đoàn phí	39.329.588			112.610.450
- Kinh phí công đoàn	-			744.000
- Bảo hiểm y tế	-			55.640.320
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.587.441			135.738.001
- Thuế TNCN	99.361.063			19.039.863
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	110.000.000			24.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.375.000			507.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.481.384.453			1.471.921.383
- Thu chi hộ	-			224.752.418
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	638.468.191			1.838.431.691
Cộng	3.041.505.736			4.390.253.126
Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.119.000.000			900.000.000
Cộng	1.119.000.000			900.000.000
19- Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	-			-
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	1.448.956.956			777.524.935
Cộng	1.448.956.956			777.524.935
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập	30/06/2025			01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-			-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	232.190.817			304.981.202

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:
a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 06 tháng năm 2025

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	3	4	5
A				
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	146.220.778.825	170.441.911.253	516.662.690.078
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2024			65.721.232.745	65.721.232.745
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.467.777.604	(35.689.355.739)	(5.221.578.135)
- Phát hành tăng vốn cổ phần từ Quý đầu tư phát triển	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-
Số dư cuối năm trước	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
- Lãi Quý I			82.925.145	82.925.145
- Lãi Quý II			243.194.670	243.194.670
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận		35.007.858.882	(35.007.858.882)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận			(10.111.168.419)	(10.111.168.419)
Số dư cuối ngày 30/06/2025	339.999.600.000	205.419.172.908	21.958.523.176	567.377.296.084

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
 Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng
 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

	30/06/2025	01/01/2025
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 40,01% VDL	136.032.400.000	136.032.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 8,99% VDL	30.567.200.000	30.567.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
+ Vốn góp đầu kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành đầu kỳ	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	20.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VNĐ/CP	10.000 đ/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
- Quỹ đầu tư phát triển		
+ Số dư quỹ đầu năm	170.411.314.026	146.220.778.825
+ Tăng trong kỳ	35.007.858.882	164.190.135.201
+ Giảm trong kỳ	-	-
+ Số dư quỹ cuối kỳ	205.419.172.908	310.410.914.026
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Số dư quỹ đầu năm	10.820.130.528	12.344.591.210
+ Tăng trong kỳ	10.151.668.419	5.229.678.135
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận	4.941.204.019	2.479.410.494
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận	4.941.204.019	2.522.238.693
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	228.760.381	219.928.948
Do nguồn khác	40.500.000	8.100.000
+ Giảm trong kỳ	1.868.420.986	1.191.170.400
+ Số dư quỹ cuối kỳ	19.103.377.961	16.383.098.945
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	30/06/2025	01/01/2025
a) Ngoại tệ các loại		
-Đồng đô la Mỹ (USD)	5,006,180.93	5.001.736,43
b) Nợ khó đòi đã xử lý	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH		
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	319.868.944.515	304.858.030.527
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	199.151.342.389	220.214.194.301
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	77.647.310.430	52.765.442.738
+ Doanh thu cho thuê văn phòng, bất động sản đầu tư	4.073.012.255	1.988.412.792
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	30.981.429.077	25.060.197.995
+ Doanh thu bán hàng khác	8.015.850.364	4.829.782.701
26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)	319.868.944.515	304.858.030.527

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	189.541.700.047	217.504.181.357
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	75.144.595.260	50.269.363.558
- Giá vốn của hoạt động cho thuê văn phòng, bất động sản đầu tư	1.310.750.200	1.108.170.933
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	28.844.872.379	22.728.321.986
- Giá vốn bán hàng khác	7.947.347.203	4.826.851.648
Cộng	302.789.265.089	296.436.889.482
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.434.325.313	1.635.873.304
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.914.898.942	4.957.998.247
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.125.438.290	4.291.937.536
Cộng	6.474.662.545	10.885.809.087
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
- Chi phí lãi vay	4.567.033.006	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	781.983.186	309.057.853
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(47.160.400)
- Chi phí tài chính khác	144	68.304
Cộng	5.349.016.336	261.965.757
30- Thu nhập khác	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	160.000.000	67.177.500.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(6.240.741)	(38.415.459.169)
- Thu nhập do được miễn nghĩa vụ phải trả khoản lãi phạt phải trả ngân hàng	-	4.532.735.541
- Các khoản khác	1.912.258	74.208.036
Cộng	155.671.517	33.368.984.408
31- Chi phí khác	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
- Các khoản bị phạt	159.772	3.250
- Các khoản khác	202.017.000	404.190.720
Cộng	202.176.772	404.193.970
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
a) Chi phí bán hàng	4.700.703.594	4.391.908.000
Hoa hồng phí	4.700.703.594	4.391.908.000
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.015.927.074	12.798.581.160
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	793.686.822	548.003.102
Chi phí nhân công	6.822.603.190	9.017.795.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.515.336.313	434.368.205
Thuế, phí, lệ phí	295.358.630	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.272.707	1.154.560.761
Chi phí khác bằng tiền	1.479.669.412	1.636.853.232
Cộng	17.716.630.668	17.190.489.160

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.985.342.494	95.939.756.226
33.2- Chi phí nhân công	44.849.525.421	48.400.652.614
- Tiền lương	36.662.875.000	40.238.695.000
- BHXH	3.435.390.088	3.468.647.490
- Bảo hiểm y tế	455.602.704	433.775.844
- Bảo hiểm thất nghiệp	196.299.008	198.208.428
- Kinh phí công đoàn	393.046.400	396.643.368
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.706.312.221	3.664.682.484
33.3- Thuế, phí và lệ phí	702.963.989	408.215.992
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.240.511.245	38.884.047.369
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.494.867.115	124.910.032.892
33.6- Chi phí khác bằng tiền	3.547.089.587	5.283.259.199
Cộng	310.820.299.851	313.417.748.300
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	188.860.282	6.330.760.334
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(72.790.385)	653.897.445
VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	10.452.678.572	-
- Tiền trả nợ gốc vay	10.452.678.572	-
VIII- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt	1.928.337.556	1.521.860.550
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý		
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	59.000.000	40.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	39.000.000	34.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	522.884.599	432.767.229
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	39.000.000	34.000.000
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	51.000.000	8.000.000
Ông Vũ Ngọc Lâm - Thành viên HĐQT	12.000.000	-
Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT	12.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	5.000.000	297.483.240
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	393.614.930	313.868.255
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	335.472.682	-
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	340.365.345	281.741.826
Bà Lã Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	51.000.000	34.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	23.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	23.000.000
Bà Đặng Thanh Tâm - Thành viên ban kiểm soát	10.000.000	-
Ông Chu Thế Nga - Thành viên ban kiểm soát	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	274.117.641	358.689.457
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	535.428.954	693.407.790
Công ty CP Cảng xanh VIP	2.168.522.172	1.033.353.396
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	360.073.620	506.925.972
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	503.036.557	331.580.684
Cộng	3.841.178.944	2.923.957.299
2.2. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	510.074.800	90.810.500
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	-	20.940.267
Cộng	510.074.800	111.750.767
2.4. Doanh thu	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	496.991.019	786.631.639
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	124.600.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	2.592.156.250	-
Công ty CP Cảng xanh VIP	5.395.816.900	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	2.067.260.700	-
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	16.200.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	1.992.968.267	-
Cộng	12.561.393.136	911.231.639
2.6. Mua hàng hóa dịch vụ	06 tháng năm 2025	06 tháng năm 2024
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	-	9.252.880
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.610.740.000	1.013.140.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	1.562.950	-
Cộng	1.612.302.950	1.022.392.880

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường An Biên - TP. Hải Phòng

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý II năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý II năm 2025	06 tháng năm 2025	Quý II năm 2024	06 tháng năm 2024
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	102.834.460.251	199.151.342.389	123.463.789.024	220.214.194.301
- Chi phí	106.908.234.530	204.470.052.513	124.377.373.671	232.836.939.408
- Lợi nhuận	(4.073.774.279)	(5.318.710.124)	(913.584.647)	(12.622.745.107)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	65.753.785.430	77.647.310.430	28.256.095.178	52.765.442.738
- Chi phí	64.539.084.752	76.088.323.502	26.698.697.683	50.269.363.558
- Lợi nhuận	1.214.700.678	1.558.986.928	1.557.397.495	2.496.079.180
Hoạt động cho thuê BĐS đầu tư				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.161.788.515	4.073.012.255	1.028.457.747	1.988.412.792
- Chi phí	696.431.478	1.350.750.200	910.139.625	1.108.170.933
- Lợi nhuận	1.465.357.037	2.722.262.055	118.318.122	880.241.859
Hoạt động dịch vụ khác				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	17.328.965.211	30.981.429.077	13.282.149.871	25.060.197.995
- Chi phí	17.100.890.386	30.649.422.339	12.998.910.795	24.586.053.104
- Lợi nhuận	228.074.825	332.006.738	283.239.076	474.144.891
Hoạt động bán hàng				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.417.179.167	8.015.850.364	4.829.782.701	4.829.782.701
- Chi phí	4.380.444.665	7.947.347.203	4.826.851.648	4.826.851.648
- Lợi nhuận	36.734.502	68.503.161	2.931.053	2.931.053
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	4.047.249.899	6.474.662.545	5.247.018.249	10.885.809.087
- Chi phí tài chính	2.546.747.377	5.349.016.336	182.781.143	261.965.757
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	1.500.502.522	1.125.646.209	5.064.237.106	10.623.843.330
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	153.759.767	155.671.517	28.808.338.665	33.368.984.408
- Chi phí hoạt động khác	189.071.772	202.176.772	404.190.720	404.193.970
- Lợi nhuận hoạt động khác	(35.312.005)	(46.505.255)	28.404.147.945	32.964.790.438

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú